

Số: 2327/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 28 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Đề án phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa
bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2021-2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật
Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính
phủ về nông nghiệp hữu cơ;*

*Căn cứ Quyết định số 885/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng
Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020-2030;*

*Căn cứ Quyết định số 5317/QĐ-BNN-CBTTNS ngày 28 tháng 12 năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Kế hoạch
hành động của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai Đề án phát triển
nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020-2030;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ
trình số 3732/TTr-SNN ngày 16 tháng 8 năm 2023 và Văn bản tiếp thu, giải trình số
4488/SNN-PTNT&QLCL ngày 26 tháng 9 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn
tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2021-2030 với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Quan điểm phát triển

a) Chuyển đổi từ nền nông nghiệp truyền thống sang phát triển nông nghiệp
hữu cơ đang là xu thế phát triển chung của cả thế giới. Trong bối cảnh toàn cầu hóa
ngày càng sâu rộng, Việt Nam nói chung và tỉnh Đồng Nai nói riêng cần có định
hướng phát triển; tuy nhiên, phát triển nông nghiệp hữu cơ (gọi tắt: NNHC) là một
nhiệm vụ mới và nhiều khó khăn, phức tạp nên cần có những bước đi thận trọng từ
xây dựng mô hình điểm để từng bước nhân ra diện rộng; quy mô phát triển NNHC
phải phù hợp với các yêu cầu về an ninh lương thực, thực phẩm và đảm bảo thu
nhập cho người sản xuất.

b) Phát triển nông nghiệp hữu cơ gắn với các mục tiêu bảo vệ môi trường,

phát triển đa dạng sinh học, góp phần phát triển du lịch, dịch vụ.

c) Nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai cần quy hoạch thành các vùng tập trung để phát triển ổn định, lâu dài; tuy nhiên ở ngoài vùng quy hoạch tập trung vẫn khuyến khích phát triển các điểm NNHC nếu đáp ứng đủ các tiêu chí về NNHC; khi được công nhận sản phẩm hữu cơ sẽ được hưởng các chính sách ưu đãi hiện hành.

d) Phát triển NNHC ở các quy mô, cấp độ từ hộ gia đình, tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp nhằm tạo ra thực phẩm hữu cơ, môi trường trong lành cho người nông dân và sản phẩm hàng hóa có giá trị gia tăng cao hơn sản phẩm truyền thống.

đ) Phát triển nông nghiệp hữu cơ phải huy động sự tham gia của các nhà quản lý, nhà khoa học, các tổ chức quốc tế, các thành phần kinh tế, đặc biệt là các doanh nghiệp, hợp tác xã.

2. Mục tiêu phát triển

a) Mục tiêu tổng quát: Phát triển nền nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai nhằm tạo ra sản phẩm có giá trị và chất lượng cao, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường để thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao thu nhập cho người sản xuất và bảo đảm sức khỏe cho cả cộng đồng.

b) Mục tiêu cụ thể

- Xác định các tiêu chí để hình thành vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Xác định các khu vực đáp ứng các tiêu chí để hình thành vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ tập trung và các điểm sản xuất NNHC không tập trung trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Xác định đối tượng ưu tiên phát triển NNHC trong giai đoạn 2021-2030 như là những mô hình điểm để nhân ra diện rộng trong các giai đoạn sau năm 2030; theo đó, các đối tượng phát triển NNHC giai đoạn 2021-2030 là: Cây lúa, cây rau thực phẩm, cây công nghiệp lâu năm (hồ tiêu, điều); cây ăn quả (bưởi, sầu riêng, xoài, chuối, chôm chôm); chăn nuôi (bò, heo, gia cầm). Phát huy lợi thế nuôi trồng thủy sản hướng hữu cơ theo hình thức quảng canh dưới tán rừng (tôm sú, cá chẽm, cua biển, hàu và một số đối tượng nước lợ khác).

- Đến năm 2025, tổng diện tích gieo trồng hữu cơ và hướng hữu cơ trên địa bàn tỉnh là 1.323 ha, chiếm 0,29% diện tích đất sản xuất nông nghiệp toàn tỉnh; trong đó diện tích gieo trồng hướng hữu cơ 1.251 ha, chiếm 0,27% diện tích đất sản xuất nông nghiệp toàn tỉnh; diện tích gieo trồng hữu cơ 72 ha, chiếm 0,02% diện tích đất sản xuất nông nghiệp toàn tỉnh. Chăn nuôi, bước đầu chỉ có chăn nuôi hướng hữu cơ; trong đó, đàn bò 290 con; đàn heo 1.700 con, đàn gia cầm 100.000 con. Thủy sản nuôi theo hình thức quảng canh dưới tán rừng hướng hữu cơ (tôm sú, cá chẽm, cua biển, hàu và một số đối tượng nước lợ khác) với diện tích là 200 ha.

- Đến năm 2030, tổng diện tích gieo trồng hữu cơ và hướng hữu cơ trên địa bàn tỉnh là 4.400 ha, chiếm 2,13% diện tích đất sản xuất nông nghiệp toàn tỉnh; trong đó diện tích gieo trồng hướng hữu cơ 3.242 ha, chiếm 1,57% diện tích đất sản xuất nông nghiệp toàn tỉnh; diện tích gieo trồng hữu cơ 1.158 ha, chiếm 0,56% diện tích đất sản xuất nông nghiệp toàn tỉnh. Đàn bò 1.030 con trong đó, hướng hữu cơ 680 con, hữu cơ 350 con; đàn heo 10.200 con; trong đó hướng hữu cơ 7.850 con, hữu cơ 2.350 con; đàn gia cầm 507.500 con; trong đó, hướng hữu cơ 375.000 con, hữu cơ 132.500 con. Thủy sản nuôi quảng canh hữu cơ theo hình thức dưới tán rừng với diện tích nuôi là 400 ha.

- Xác định tiến độ sản xuất nông nghiệp hữu cơ và hướng hữu cơ cho các vùng tập trung và các điểm không tập trung, cụ thể:

+ Đến năm 2025: Các vùng trồng trọt sản xuất tập trung là 991 ha, trong đó hữu cơ là 64 ha, hướng hữu cơ là 927 ha; các điểm không tập trung là 333 ha, trong đó hướng hữu cơ là 325 ha, hữu cơ là 8 ha. Chăn nuôi theo hướng hữu cơ tại các vùng sản xuất tập trung: Bò 290 con, heo 1.700 con, gia cầm 75.000 con, dê 290 con. Chăn nuôi gia cầm tại các điểm không tập trung là 25.000 con. Thủy sản theo hướng hữu cơ tại vùng sản xuất tập trung 80 ha, không tập trung là 120 ha.

+ Đến năm 2030: Các vùng trồng trọt sản xuất tập trung là 3.964 ha, trong đó hướng hữu cơ là 2.979 ha, hữu cơ là 985 ha; các điểm không tập trung là 437 ha, trong đó hướng hữu cơ là 263 ha, hữu cơ là 174 ha. Chăn nuôi theo hướng hữu cơ tại các vùng sản xuất tập trung: Bò 680 con, heo 7.850 con, gia cầm 300.000 con, dê 1.150 con. Chăn nuôi hữu cơ tại các vùng sản xuất tập trung: Bò 350 con, heo 2.350 con, gia cầm 107.500 con, dê 550 con. Chăn nuôi gia cầm theo hướng hữu cơ tại các điểm không tập trung 75.000 con và hữu cơ là 25.000 con. Thủy sản theo hướng hữu cơ tại vùng sản xuất tập trung 120 ha, không tập trung là 280 ha.

- Ở mỗi vùng phát triển nông nghiệp hữu cơ tập trung, hình thành chuỗi liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ đối với từng ngành hàng.

- Đề xuất hệ thống các giải pháp hợp lý để phát triển nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2024 - 2030.

- Giá trị sản phẩm nông nghiệp hữu cơ cao gấp 1,5 – 2,0 lần so với sản phẩm nông nghiệp thông thường.

3. Nhiệm vụ của đề án

a) Tiêu chí lựa chọn vùng sản xuất NNHC tập trung và các điểm sản xuất NNHC không tập trung

- Tiêu chí 1: Vùng phát triển NNHC tập trung là vùng được quy hoạch, ổn định lâu dài; quy mô tối thiểu là trọn ranh giới 1 xã để có điều kiện đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất, phát triển hợp tác xã (gọi tắt: HTX) thu hút đầu tư của các doanh nghiệp, thực hiện liên doanh, liên kết và thực

hiện các hoạt động hỗ trợ sản xuất, kiểm tra giám sát và chứng nhận các sản phẩm hữu cơ.

- Tiêu chí 2: Vùng phát triển NNHC phải đảm bảo cách xa các nguồn gây ô nhiễm; trong đó, cụ thể là chỉ bố trí vùng phát triển NNHC ở các địa phương có mật độ dân số <400 người/km²; không có các khu công nghiệp tập trung và trục đường giao thông lớn.

- Tiêu chí 3 (Môi trường đất, nước): Vùng phát triển nông nghiệp hữu cơ phải được lấy mẫu phân tích môi trường đất, môi trường nước; kết quả phân tích mẫu đất và nước phải nằm trong giới hạn cho phép quy định tại TCVN 8246:2009 và TCVN 8467:2010 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép của một số kim loại nặng trong đất; quy chuẩn QCVN 08-MT:2015/BTNMT áp dụng cho nước mặt sử dụng cho tưới tiêu, thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng nước tương đương.

- Tiêu chí 4 (Mức độ thích nghi, tính cạnh tranh của cây trồng, vật nuôi): Địa bàn bố trí sản xuất phải phù hợp với đặc điểm sinh lý và sinh thái của cây trồng; đồng thời phải có khả năng cạnh tranh về hiệu quả kinh tế, xã hội với các cây khác trên cùng địa bàn; ưu tiên lựa chọn loại cây trồng, vật nuôi bản địa, thích ứng tốt với điều kiện thổ nhưỡng, chống chịu sâu bệnh và có thị trường tiêu thụ.

- Tiêu chí 5 (Hiện trạng sử dụng đất): Ưu tiên phát triển tại các vùng hiện đang sản xuất các sản phẩm chủ lực; đã hình thành các khu vực sản xuất theo hướng hữu cơ hoặc các tiêu chuẩn như tiêu chuẩn hữu cơ, VietGAP, GlobalGAP... có các tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp. Các vùng sản xuất các sản phẩm bản địa, đặc trưng; có tiềm năng để xây dựng nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý sản phẩm để đầu tư sản xuất hữu cơ gắn với phát triển các sản phẩm OCOP.

- Tiêu chí 6: Vùng sản xuất NNHC phải là vùng đã được quy hoạch sử dụng đất các cấp xác định là vùng quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp và thuận tiện cho mở rộng diện tích ở các giai đoạn sau; nhằm hạn chế đến mức thấp nhất những ảnh hưởng của nguồn có nguy cơ gây ô nhiễm đến khu vực sản xuất hữu cơ.

- Đối với các điểm sản xuất NNHC không tập trung: Có thể không đáp ứng các tiêu chí 1, 2 và 6 nhưng phải đáp ứng tiêu chí 3, 4 và 5; đồng thời phải có sự đăng ký của chủ cơ sở sản xuất.

b) Lựa chọn vùng sản xuất NNHC tập trung

Lựa chọn các vùng sản xuất NNHC tập trung căn cứ vào số liệu thống kê và kết quả dự báo tại báo cáo quy hoạch tích hợp, các địa phương có quy mô dân số và mật độ dân số; kết quả lấy mẫu, phân tích môi trường đất, nước ở các địa phương; điều tra khảo sát thực địa tại các địa phương, sau khi loại trừ những khu vực có nguy cơ ô nhiễm cao.

Đề xuất 8 vùng đáp ứng các tiêu chí để hình thành vùng sản xuất NNHC tập trung trên địa bàn tỉnh Đồng Nai bao gồm: huyện Tân Phú 2 vùng: vùng 1 là xã

Đak Lua; vùng 2 (4 xã Nam Cát Tiên, Núi Tượng, Phú Lập và Tà Lài); vùng 3 xã Thanh Sơn huyện Định Quán; vùng 4 xã Hiếu Liêm huyện Vĩnh Cửu; vùng 5 xã Phú Lý huyện Vĩnh Cửu; vùng 6 xã Suối Cao huyện Xuân Lộc; vùng 7 xã Lâm San huyện Cẩm Mỹ; vùng 8 xã Phước An huyện Nhơn Trạch. Theo quy hoạch sử dụng đất, đến năm 2030 quỹ đất NN và đất sản xuất nông nghiệp ở các xã như sau:

STT	Khu vực	DTTN (ha)	Đất NN (ha)		Đất SXNN (ha)	
			Năm 2021	Năm 2030	Năm 2021	Năm 2030
	Tổng cộng	150.640	133.700	130.590	23.630	18.988
I	Huyện Tân Phú	50.236	48.394	47.837	6.965	6.445
1	Xã Đak Lua	41.513	40.489	40.360	1.970	1.843
2	Xã Nam Cát Tiên	2.240	2.023	1.901	1.104	1.004
3	Xã Núi Tượng	2.344	2.185	2.080	1.541	1.451
4	Xã Phú Lập	1.429	1.302	1.214	898	821
5	Xã Tà Lài	2.710	2.395	2.282	1.452	1.326
II	Huyện Định Quán	31.541	25.114	24.527	4.146	2.196
6	Xã Thanh Sơn	31.541	25.114	24.527	4.146	2.196
III	Huyện Vĩnh Cửu	48.850	45.951	44.954	3.545	2.623
7	Xã Hiếu Liêm	20.950	19.379	18.618	981	451
8	Xã Phú Lý	27.900	26.572	26.336	2.564	2.172
IV	Huyện Xuân Lộc	5.401	4.455	4.202	4.291	3.941
9	Xã Suối Cao	5.401	4.455	4.202	4.291	3.941
V	Huyện Cẩm Mỹ	3.247	2.535	2.172	2.494	2.083
10	Xã Lâm San	3.247	2.535	2.172	2.494	2.083
VI	Huyện Nhơn Trạch	11.365	7.251	6.898	2.189	1.700
11	Xã Phước An	11.365	7.251	6.898	2.189	1.700

c) Lựa chọn các điểm sản xuất NNHC không tập trung

Kết quả điều tra, khảo sát tại các địa phương không thuộc vùng phát triển NNHC tập trung cho thấy những điểm đáp ứng tốt các tiêu chí về môi trường đất, nước; tiêu chí về mức độ thích nghi cây trồng và tính cạnh tranh của sản phẩm và tiêu chí về hiện trạng sản xuất nông nghiệp hướng hữu cơ hoặc theo các tiêu chuẩn khác (VietGAP, GlobalGAP, chỉ dẫn địa lý...) và đặc biệt là có sự đăng ký của các chủ cơ sở sản xuất đều có thể lựa chọn để hình thành 23 điểm sản xuất NNHC không tập trung.

- Thành phố Biên Hòa: Dự kiến sẽ tham gia NNHC theo 2 hướng: Một là hoàn thiện các điều kiện để HTX Đoàn Kết đáp ứng tiêu chí hình thành điểm phát triển NNHC với quy mô 5 ha; trong đó trồng rau hướng hữu cơ 3 ha và rau hữu cơ 2 ha. Hai là tiếp tục tham gia các hoạt động dịch vụ cho NNHC như: Cung ứng vật tư hữu cơ (Giống, phân bón, thuốc BVTV, thú y, TAGS...); hình thành các điểm tiêu thụ sản phẩm NNHC; tham gia quảng bá, xúc tiến thương mại...

- Thành phố Long Khánh: Cũng như thành phố Biên Hòa hướng phát triển nông nghiệp hữu cơ là tham gia các hoạt động dịch vụ NNHC và hình thành 4 điểm sản xuất: rau hữu cơ 10 ha ở xã Bảo Quang, hồ tiêu hữu cơ 6 ha ở xã Hàng Gòn,

sầu riêng hữu cơ 5 ha ở phường Xuân Lập và chôm chôm 5 ha ở xã Hàng Gòn.

- Huyện Long Thành: Hình thành 2 điểm sản xuất: Rau hữu cơ 10 ha (thuộc các doanh nghiệp sản xuất rau hữu cơ đạt chuẩn tiêu chuẩn của Mỹ và Châu Âu) và sản xuất nấm mỡ đen hữu cơ thuộc Công ty TNHH thực phẩm công nghệ sinh học nấm Đất Việt – Nông trại Cẩm Đường. Hình thành 2 điểm nuôi thủy sản dưới tán rừng hướng hữu cơ theo hình thức nuôi quảng canh tại xã Long Phước và Phước Thái với quy mô khoảng 40 ha.

- Huyện Xuân Lộc: Ngoại trừ vùng phát triển NNHC tập trung là xã Suối Cao; kiến nghị hình thành 6 điểm sản xuất NNHC và hướng hữu cơ như sau: Rau 3,5 ha ở xã Xuân Trường, sầu riêng 56,3 ha ở xã Xuân Định, hồ tiêu 40 ha ở xã Xuân Thọ, bưởi 12 ha ở xã Xuân Bắc, chôm chôm 15 ha ở xã Bảo Hòa và điều 10 ha ở xã Xuân Thọ. Chăn nuôi gia cầm với quy mô nông hộ hoặc trang trại nhỏ.

- Huyện Thống Nhất: Hình thành 4 điểm phát triển NNHC và hướng hữu cơ: Chôm chôm 50 ha ở xã Gia Tân 2, bưởi 50 ha ở xã Hưng Lộc, mít 20 ha ở xã Hưng Lộc và chuối 30 ha ở xã Gia Tân 1. Chăn nuôi gia cầm với quy mô nông hộ hoặc trang trại nhỏ.

- Huyện Nhơn Trạch: Hình thành 2 điểm nuôi thủy sản dưới tán rừng hướng hữu cơ theo hình thức nuôi quảng canh tại xã Phước An và Long Thọ với quy mô khoảng 80 ha.

- Các huyện Tân Phú, Định Quán, Vĩnh Cửu, Cẩm Mỹ và Trảng Bom thực hiện phát triển sản xuất hữu cơ không tập trung với tổng diện tích trung bình mỗi huyện từ 20 - 50 ha. Tùy thuộc vào tiềm năng của địa phương và sự chủ động của người sản xuất để phát triển theo hướng hữu cơ và hữu cơ trên cơ sở thực hiện tốt được các biện pháp cách ly, có vùng đệm.

4. Định hướng và phát triển

a) Đến năm 2025, tổng diện tích trồng trọt hữu cơ và hướng hữu cơ trên địa bàn tỉnh là 1.322 ha, chiếm 0,49% diện tích đất sản xuất nông nghiệp toàn tỉnh; trong đó diện tích gieo trồng hướng hữu cơ 1.250 ha, chiếm 0,45% diện tích đất sản xuất nông nghiệp toàn tỉnh; diện tích gieo trồng hữu cơ 72 ha, chiếm 0,03% diện tích đất sản xuất nông nghiệp toàn tỉnh. Chăn nuôi bước đầu chỉ có chăn nuôi hướng hữu cơ; trong đó, đàn bò 290 con, đàn heo 1.700 con, đàn gia cầm 100.000 con và đàn dê 290 con. Thủy sản nuôi theo hình thức quảng canh dưới tán rừng hướng hữu cơ (tôm sú, cá chẽm, cua biển, hàu và một số đối tượng nước lợ khác) với diện tích là 200 ha.

b) Đến năm 2030, tổng diện tích trồng trọt hữu cơ và hướng hữu cơ trên địa bàn tỉnh là 4.400 ha, chiếm 2,13% diện tích đất sản xuất nông nghiệp toàn tỉnh; trong đó diện tích gieo trồng hướng hữu cơ 3.242 ha, chiếm 1,57% diện tích đất sản xuất nông nghiệp toàn tỉnh; diện tích gieo trồng hữu cơ 1.158 ha, chiếm 0,56% diện tích đất sản xuất nông nghiệp toàn tỉnh. Đàn bò 1.030 con, trong đó, hướng hữu cơ 680 con, hữu cơ 350 con; đàn heo 10.200 con, trong đó hướng hữu cơ 7.850 con,

hữu cơ 2.350 con; đàn gia cầm 507.500 con, trong đó, hướng hữu cơ 375.000 con, hữu cơ 132.500 con; đàn dê 1.700 con, trong đó hướng hữu cơ 1.150 con, hữu cơ 550 con. Thủy sản nuôi theo hình thức quảng canh dưới tàn rừng hướng hữu cơ với diện tích nuôi là 400 ha.

c) Phát triển sản xuất hữu cơ và hướng hữu cơ cho từng ngành hàng và từng năm như sau:

STT	Hạng mục	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
1	Lúa (ha)	90,00	124,28	171,92	238,20	330,59	459,59	640,00
	Hướng hữu cơ	90,00	104,28	131,92	163,20	220,59	314,59	460,00
	Hữu cơ	-	20,00	40,00	75,00	110,00	145,00	180,00
2	Rau (ha)	21,50	35,50	54,50	74,50	95,00	121,50	148,00
	Hướng hữu cơ	21,50	30,60	40,70	51,00	62,80	78,60	94,00
	Hữu cơ	-	4,90	13,80	23,50	32,20	42,90	54,00
3	Hồ tiêu (ha)	131,00	158,82	196,04	245,97	313,10	403,62	526,00
	Hướng hữu cơ	106,00	125,82	148,36	180,47	224,11	286,75	378,00
	Hữu cơ	25,00	33,00	47,69	65,50	89,00	116,87	148,00
4	Điêu (ha)	150,00	193,64	251,05	326,60	426,08	557,17	730,00
	Hướng hữu cơ	150,00	193,64	237,55	300,60	386,08	503,17	662,00
	Hữu cơ	-	-	13,50	26,00	40,00	54,00	68,00
5	Bưởi (ha)	167,00	191,08	220,81	257,57	303,03	359,30	429,00
	Hướng hữu cơ	167,00	191,08	193,31	210,57	234,53	269,30	316,00
	Hữu cơ	-	-	27,50	47,00	68,50	90,00	113,00
6	Cam quýt (ha)	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00
	Hướng hữu cơ	15,00	13,00	11,00	9,00	7,00	5,00	3,00
	Hữu cơ	-	2,00	4,00	6,00	8,00	10,00	12,00
7	Sầu riêng (ha)	121,00	133,44	148,58	167,02	189,56	217,14	251,00
	Hướng hữu cơ	121,00	133,44	141,03	149,02	157,06	170,14	188,50
	Hữu cơ	-	-	7,55	18,00	32,50	47,00	62,50
8	Xoài (ha)	55,00	110,74	146,00	190,10	249,74	328,10	430,00
	Hướng hữu cơ	55,00	110,74	126,00	150,10	184,74	238,10	315,00
	Hữu cơ	-	-	20,00	40,00	65,00	90,00	115,00
9	Chuối (ha)	50,00	56,15	64,20	74,72	88,48	106,47	130,00
	Hướng hữu cơ	50,00	56,15	57,20	59,72	63,48	71,47	85,00
	Hữu cơ	-	-	7,00	15,00	25,00	35,00	45,00
10	Chôm chôm (ha)	70,00	70,00	70,00	70,00	70,00	70,00	70,00
	Hướng hữu cơ	70,00	70,00	64,00	58,00	51,00	43,00	35,00
	Hữu cơ	-	-	6,00	12,00	19,00	27,00	35,00
11	Mít (ha)	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00
	Hướng hữu cơ	20,00	20,00	18,00	16,00	14,00	12,00	10,00
	Hữu cơ	-	-	2,00	4,00	6,00	8,00	10,00
12	Nuôi bò (con)	-	290	413	545	691	851	1.030
	Hướng hữu cơ	-	290	343	405	481	571	680

STT	Hạng mục	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
	Hữu cơ	-	-	70	140	210	280	350
13	Nuôi heo (con)	-	100.000	154.998	219.177	298.169	393.260	509.850
	Hướng hữu cơ	-	-	400	800	1.350	1.850	2.350
	Hữu cơ	-	100.000	154.598	218.377	296.819	391.410	507.500
14	Nuôi gia cầm (con)	-	100.000	154.598	218.377	296.819	391.410	507.500
	Hướng hữu cơ	-	100.000	129.598	168.377	219.319	286.410	375.000
	Hữu cơ	-	-	25.000	50.000	77.500	105.000	132.500
15	Nuôi dê (con)	-	290	487	707	988	1.316	1.700
	Hướng hữu cơ	-	290	379	495	668	876	1.150
	Hữu cơ	-	-	108	212	320	440	550
16	Nuôi quảng canh dưới tán rừng	180	200	230	250	300	350	400
	Hướng hữu cơ	180	200	230	250	300	350	400
	Hữu cơ	-	-	-	-	-	-	-

[illegible]

- Phát triển sản xuất hữu cơ cho từng ngành hàng và từng địa phương qua các năm 2030 như sau:

[illegible]

[illegible]

5. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện

a) Nhóm giải pháp về tuyên truyền, đào tạo, tập huấn và phát triển nguồn nhân lực

- Giải pháp về tuyên truyền, vận động. Đối tượng của nhóm giải pháp này là người sản xuất và người tiêu dùng; với mục tiêu là để người sản xuất và người tiêu dùng thấy rõ vai trò, ý nghĩa của NNHC; từ đó, người tiêu dùng sẵn sàng chấp nhận chi phí cao hơn khi dùng sản phẩm hữu cơ, người sản xuất tuân thủ đúng quy trình sản xuất hữu cơ. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các cơ quan thông tấn báo chí để thực hiện tuyên truyền, phổ biến cho người sản xuất và tiêu dùng các chủ trương, chính sách phát triển NNHC, các tiêu chuẩn Quốc gia về NNHC và lợi ích của việc sản xuất và tiêu dùng sản phẩm hữu cơ.

Quy trình sản xuất nông nghiệp hữu cơ khác biệt so với sản xuất thông thường do đó, cần thiết phải tổ chức đào tạo, tập huấn một cách chi tiết, cụ thể:

- Tập huấn đối với cán bộ ở cấp huyện và cấp xã với các nội dung như: Tiêu chuẩn Quốc gia về NNHC; nguyên tắc sản xuất NNHC, vật tư đầu vào sản xuất NNHC, chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn về NNHC, tiêu chuẩn áp dụng và ghi nhãn sản phẩm hữu cơ, truy xuất nguồn gốc, thu hồi và xử lý sản phẩm hữu cơ không đảm bảo chất lượng, các chính sách khuyến khích phát triển NNHC; công bố vùng và đối tượng sản xuất nông nghiệp hữu cơ.

- Tập huấn cho nông dân ở các vùng sản xuất NNHC tập trung với các nội dung để người sản xuất nắm rõ và thực hiện nghiêm ngặt các quy định của NNHC. Các yêu cầu về vùng đệm; quy trình sản xuất - thu hoạch, bảo quản, đóng gói, vận chuyển; quy trình sản xuất phân hữu cơ; những tiến bộ kỹ thuật mới áp dụng trong NNHC; những chính sách người nông dân sẽ được hưởng khi sản xuất nông nghiệp hữu cơ.

b) Giải pháp về chỉ đạo, điều hành

- Thực hiện công tác quản lý Nhà nước đối với sản xuất nông nghiệp hữu cơ từ khâu định hướng phát triển vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ tập trung, quản lý vật tư đầu vào, kiểm tra, giám sát các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn.

- Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia sản xuất NNHC. Tập trung đầu tư, phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng kỹ thuật (thủy lợi, điện, đường giao thông, các dịch vụ hỗ trợ) đáp ứng tốt yêu cầu phát triển NNHC.

- Trên cơ sở bản đồ định hướng các vùng canh tác nông nghiệp hữu cơ, tiến hành khoanh vùng quản lý, xác định ranh giới ngoài thực địa; công bố rộng rãi tới các đối tượng tham gia. Bảo vệ các vùng sản xuất hữu cơ đã xác định, giảm thiểu tác động ô nhiễm. Trong từng thời kỳ, giai đoạn triển khai kế hoạch, điều chỉnh, bổ sung mở rộng vùng phát triển sản xuất NNHC phù hợp với tình hình thực tế. Ban hành các quy trình về canh tác sản xuất NNHC.

- Thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra, xử lý các vi phạm theo quy định, chú trọng công tác hậu kiểm và kiểm tra đột xuất công tác quản lý sản xuất NNHC như: Quản lý giống cây trồng, vật nuôi và thủy sản hữu cơ được chứng nhận phù hợp với tiêu chuẩn NNHC. Quản lý chặt chẽ vật tư được sử dụng trong sản xuất hữu cơ như phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, chất bảo quản, chất phụ gia, thức ăn chăn nuôi,... Quản lý nguồn nước sử dụng cho sản xuất nông nghiệp hữu cơ: Nước tưới cho cây trồng, nước dùng cho vật nuôi, nuôi trồng thủy sản,... Quản lý các quy trình canh tác cây trồng hữu cơ, quy trình chăm sóc vật nuôi và thủy sản hữu cơ.

- Quản lý chặt chẽ việc sử dụng các nhãn hiệu nông nghiệp hữu cơ, đảm bảo minh bạch thị trường, tránh trà trộn sản phẩm không đạt tiêu chuẩn hữu cơ. Tăng cường thanh tra, kiểm tra đối với việc tuân thủ các quy định sản xuất, kinh doanh NNHC đối với các cơ sở. Thiết lập hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm hữu cơ tại từng công đoạn sản xuất, chế biến và tiêu thụ.

c) Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển NNHC

Rà soát hệ thống chính sách hiện hành; đặc biệt là những chính sách liên đến phát triển NNHC để tổ chức thực hiện tốt và hướng dẫn cụ thể đến người nông dân sản xuất NNHC; trong đó đặc biệt lưu ý các chính sách cụ thể như sau:

- Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ; trong đó cần thực hiện các chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp hữu cơ cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình và nhóm hộ sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp hữu cơ như sau:

+ Ưu tiên kinh phí khoa học công nghệ, khuyến nông để thực hiện đề tài nghiên cứu, dự án khuyến nông, đặc biệt về giống kháng bệnh, phân bón hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, thuốc thú y thảo mộc.

+ Cơ sở sản xuất kinh doanh sản phẩm hữu cơ hoặc vật tư đầu vào phục vụ cho sản xuất hữu cơ được ưu tiên hưởng các chính sách khuyến khích đầu tư đối với nông nghiệp, nông thôn đã ban hành, bao gồm: Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Chính sách hỗ trợ HTX nông nghiệp; chính sách liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm, xây dựng cánh đồng lớn; chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Chính sách tín dụng phát triển nông nghiệp, nông thôn; chính sách cho vay khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch. Chính sách hỗ trợ xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu. Hỗ trợ gắn Nhãn xanh Việt Nam, hỗ trợ cơ sở thân thiện với môi trường và Các chính sách có liên quan khác.

+ Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ, HTX, trang trại, hộ gia đình, nhóm hộ sản xuất sản phẩm hữu cơ theo chính sách đặc thù: Hỗ trợ kinh phí xác định các vùng, khu

vực đủ điều kiện sản xuất hữu cơ: Điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu không khí do cấp có thẩm quyền phê duyệt. Hỗ trợ chi phí cấp giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp TCVN về NNHC do Tổ chức chứng nhận cấp (cấp lần đầu hoặc cấp lại). Hỗ trợ đào tạo, tập huấn sản xuất hữu cơ: định mức hỗ trợ thực hiện theo quy định của Chính phủ về khuyến nông. Hỗ trợ xây dựng, nhân rộng mô hình sản xuất hữu cơ theo TCVN: định mức hỗ trợ chi phí giống kháng sâu bệnh, phân bón hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật sinh học đối với mô hình trồng trọt; chi phí giống, thức ăn hữu cơ, thuốc thú y được phép sử dụng đối với mô hình chăn nuôi, thủy sản và chi phí nhân rộng mô hình theo quy định của Chính phủ về khuyến nông.

- Chính sách đặc thù phát triển NNHC của tỉnh Đồng Nai theo Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 quy định về chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030 đối với các sản phẩm của lĩnh vực sản xuất trồng trọt như: Lúa, sầu riêng, chôm chôm, bưởi, xoài, hồ tiêu, ca cao, điều, dưa lưới và rau các loại. Lĩnh vực chăn nuôi như: Heo, gà với các nội dung hỗ trợ cụ thể như sau:

+ Hỗ trợ chi phí xác định diện tích đủ điều kiện sản xuất hữu cơ, gồm điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu không khí cho đối tượng là doanh nghiệp (không bao gồm doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài).

+ Hỗ trợ một lần phân bón hữu cơ đối với lĩnh vực trồng trọt; hỗ trợ một lần thức ăn hữu cơ đối với lĩnh vực chăn nuôi;

+ Hỗ trợ chi phí cấp Giấy chứng nhận (tư vấn, đào tạo, kiểm nghiệm, đánh giá chuyển đổi, đánh giá cấp giấy chứng nhận, giám sát) sản phẩm nông nghiệp phù hợp tiêu chuẩn hữu cơ (chứng nhận lần đầu hoặc chứng nhận lại).

+ Hỗ trợ một lần về chi phí thực hiện truy xuất nguồn gốc và quảng cáo sản phẩm nông nghiệp hữu cơ.

- Hỗ trợ xây dựng dự án/kế hoạch liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm theo Nghị quyết số 143/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của HĐND tỉnh Đồng Nai.

- Về chính sách hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước, áp dụng Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ thực hiện hỗ trợ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước: Hỗ trợ chi phí vật liệu, máy thi công và thiết bị để đầu tư xây dựng hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn; hỗ trợ chi phí để san phẳng đồng ruộng.

- Về chính sách mở rộng thị trường cần thực hiện các nội dung hỗ trợ theo Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2021 của HĐND tỉnh quy định nội dung chi và mức chi hỗ trợ Chương trình xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

d) Nhóm giải pháp về phát triển các hình thức tổ chức sản xuất gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm NNHC

Trong chuỗi liên kết có nhiều khâu, người thực hiện chức năng của mỗi khâu trong chuỗi gọi là tác nhân. Để chuỗi liên kết hoạt động hiệu quả, rất cần có sự liên kết giữa các tác nhân gọi là mô hình liên kết theo chuỗi giá trị; ở mỗi chuỗi có nhiều mối liên kết; trong đó 2 mối liên kết quan trọng nhất là liên kết giữa nông dân với nông dân để hình thành HTX và mối liên kết giữa doanh nghiệp với nông dân thông qua HTX. Trong nhóm giải pháp này, cần thực hiện 2 nội dung chính như sau:

- Tuyên truyền, vận động để nông dân ở các vùng sản xuất NNHC tập trung thành lập các hợp tác xã; dự kiến đến năm 2030, sẽ thành lập thêm các hợp tác xã như sau: 2 HTX bưởi hữu cơ ở xã Hiếu Liêm và Tà Lài; 2 HTX xoài hữu cơ ở xã Thanh Sơn và xã Suối Cao; 1 HTX cam quýt ở xã Phú Lý; 1 HTX chuối ở xã Thanh Sơn; 2 HTX lúa ở xã Đak Lua và Núi Tượng; 1 HTX sầu riêng ở xã Nam Cát Tiên; 1 HTX điều ở xã Phú Lập; đồng thời tiếp tục củng cố và nâng cấp HTX hồ tiêu ở xã Lâm Sơn.

- Mời gọi các doanh nghiệp liên kết với các hợp tác xã trong sản xuất, thu mua, chế biến, vận chuyển và tiêu thụ sản phẩm NNHC.

đ) Giải pháp về chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp hữu cơ

- Phát triển nền tảng dữ liệu số: Đẩy mạnh việc hình thành nền tảng dữ liệu số nông nghiệp phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo điều hành, phát triển thương mại điện tử, dịch vụ nông nghiệp số,... Trước mắt, ưu tiên xây dựng hệ thống dữ liệu phục vụ cấp và quản lý mã số vùng trồng, triển khai cấp mã số vùng trồng trực tuyến (online), xây dựng cơ sở dữ liệu về thức ăn chăn nuôi và cơ sở chăn nuôi, xây dựng bộ cơ sở dữ liệu về thức ăn chăn nuôi và cơ sở chăn nuôi, xây dựng hệ thống dữ liệu phục vụ điều hành cung cầu nông sản, dự báo thông tin thị trường xuất khẩu các nông sản chủ lực, xây dựng cơ sở dữ liệu chế biến, kinh doanh, quản lý chất lượng nông lâm thủy sản.

- Từng bước theo lộ trình chuyển đổi số phù hợp với chương trình chuyển đổi số quốc gia đã được Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”. Tạo điều kiện, thúc đẩy các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đầu tư, tài trợ, tăng cường nghiên cứu các công nghệ số, phát triển các nền tảng số, hoạt động dữ liệu số, tạo ra các dịch vụ nội dung số về nông nghiệp và phát triển nông thôn, phát triển nền kinh tế số. Khuyến khích các mô hình nông nghiệp công nghệ cao như công nghệ IoT, dữ liệu lớn (big data), công nghệ chuỗi khối (Blockchain), camera nhằm theo dõi sự sinh trưởng của cây trồng, vật nuôi; các thiết bị cảm biến môi trường, nhà kính có hệ thống tự động điều chỉnh; công nghệ (in vitro) trong sản xuất giống, công nghệ đèn LED, công nghệ GIS thông minh quản lý sâu bệnh; truy xuất nguồn gốc điện tử và theo dõi các thông số như môi trường, nguồn gen, loại cây và giai đoạn sinh trưởng theo thời gian thực.

- Tổ chức các hoạt động tuyên truyền về chuyển đổi số; tổ chức các chương trình đào tạo, tập huấn về kỹ năng số cho các cán bộ quản lý ở các Sở, ban, ngành có liên quan, phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Phòng Kinh tế, cán bộ quản lý ở HTX, tổ hợp tác, các bên tham gia trong chuỗi liên kết sản xuất các sản phẩm NNHC,...

- Xây dựng mô hình thí điểm về sản xuất, kết nối nông nghiệp thông minh; xây dựng các câu lạc bộ cộng đồng “Kết nối chuyển đổi số”, trong đó nòng cốt là các thành viên hợp tác xã, tổ hợp tác sản xuất nông nghiệp hữu cơ.

- Đẩy mạnh các hoạt động kết nối sản xuất hữu cơ với tiêu thụ nông sản hữu cơ, kết hợp với phát triển ngành nghề, dịch vụ du lịch nông nghiệp, nông thôn trên nền tảng trực tuyến và trên cơ sở dữ liệu cung cầu, cơ sở dữ liệu của các cơ quan quản lý, các hiệp hội, doanh nghiệp.

e) Nhóm giải pháp về ứng dụng và chuyển giao công nghệ trong NNHC

- Giải pháp về những công nghệ cần được hỗ trợ để ứng dụng ngay:

+ Ứng dụng công nghệ san phẳng mặt ruộng;

+ Ứng dụng công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước;

+ Ứng dụng nhà lưới trồng rau hữu cơ.

- Giải pháp về những công nghệ khuyến khích ứng dụng:

+ Công nghệ cải tạo môi trường đất, nước bằng các biện pháp như sử dụng vi sinh vật để phân hủy các chất ô nhiễm, sử dụng phương pháp “Phytoremediation”, dùng thực vật để giải ô nhiễm, giảm hoạt tính sinh học của các kim loại, tiếp theo thảm thực vật sẽ được phục hồi và ổn định đất.

+ Theo một số nghiên cứu về các phương pháp xử lý chì trong đất, một số loài thực vật có thể hấp thụ, lưu giữ chì trong thân cây, lá cây,... như dương xỉ *Pteris vittata*, cải xanh, sây, cây đậu bắp, cây dọc mùng, hoa hướng dương,... Phương pháp sử dụng thực vật để xử lý kim loại nặng trong đất được coi là phương pháp xử lý lâu dài và bền vững, chi phí xử lý thấp so với các phương pháp xử lý khác, cũng như đem lại cảnh quan cho toàn khu vực.

+ Sử dụng công nghệ vật liệu nano: Sử dụng nano hydroxyapatite khuyết canxi có khả năng xử lý dư lượng kim loại nặng Fe, Cu, Ni, Cr trong đất.

+ Áp dụng biện pháp quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM): Bên cạnh việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) sinh học thì việc áp dụng các biện pháp canh tác cơ bản như vệ sinh đồng ruộng, bón phân cân đối, luân canh, xen canh cây trồng, sử dụng giống kháng và tuân thủ lịch thời vụ cũng có thể làm sâu bệnh ít xuất hiện, giảm việc phun thuốc giai đoạn đầu vụ.

+ Áp dụng phương pháp đấu tranh sinh học để quản lý sâu hại trên đồng ruộng bằng cách sử dụng thiên địch (bọ xít hoa gai vai nhon *Eocanthecona furcellata*, ong ký

sinh,...) từ đó giúp giảm lượng thuốc trừ sâu nông dân sử dụng, giảm nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

+ Công nghệ sinh thái cũng có thể áp dụng để khống chế sâu hại trên ruộng, làm giảm sử dụng thuốc BVTV. Ven bờ ruộng trồng các loại hoa có phấn hoa (sao nhái, đậu bắp, xuyên chi,...) nhằm thu hút các loài thiên địch, góp phần làm tăng đa dạng sinh học trên ruộng, giúp khống chế sâu hại.

+ Sử dụng công nghệ sinh học, sử dụng các chủng men vi sinh để lên men, phân huỷ các chất hữu cơ có nguồn gốc động thực vật làm phân bón, chế phẩm sinh học phòng trừ sâu bệnh.

- Giải pháp về chuyển giao khoa học công nghệ cần được chuyển giao công nghệ ngay cho người sản xuất NNHC như sau:

+ Quy trình sản xuất hữu cơ, hướng hữu cơ đối với từng loại cây trồng, vật nuôi đã được đề xuất trong đề án này; cụ thể là: sản xuất lúa hữu cơ luân canh với cây trồng cạn là thức ăn gia súc; sản xuất cây thức ăn gia súc hữu cơ; sản xuất cây làm phân hữu cơ; cây công nghiệp (hồ tiêu, điều) hữu cơ; cây ăn quả (sầu riêng, bưởi, xoài, chuối, chôm chôm) hữu cơ; chăn nuôi heo, gia cầm hữu cơ...

+ Công nghệ sản xuất và chế biến phân hữu cơ, phân vi sinh thức ăn chăn nuôi; bao gồm: giới thiệu các loại sản phẩm, phế, phụ phẩm có thể sử dụng để chế tạo phân hữu cơ; quy trình chế biến từ các loại sản phẩm, phế phụ phẩm nêu trên.

+ Công nghệ sản xuất và chế biến thuốc BVTV thuốc thú y; phương pháp sử dụng các loại thuốc nêu trên đối với từng loại sâu bệnh trên từng đối tượng (cây trồng, vật nuôi) cụ thể.

+ Công nghệ sơ chế, bảo quản sản phẩm hữu cơ và hướng hữu cơ.

+ Công nghệ bao gói và vận chuyển sản phẩm hữu cơ.

g) Nhóm giải pháp về xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm NNHC

Hiện tại, sản phẩm NNHC chủ yếu tập trung ở phân khúc khách hàng cao cấp, do đó để mở rộng thị trường cần thực hiện các nội dung như sau:

- Liên kết với các doanh nghiệp để mỗi huyện (thành phố) có điểm bán sản phẩm NNHC;

- Liên kết chặt chẽ với các nhà hàng, khách sạn và hệ thống siêu thị trên cả nước để có hợp đồng cung ứng một cách ổn định sản phẩm hữu cơ với những ràng buộc cụ thể, rõ ràng về nguồn gốc xuất xứ và chất lượng sản phẩm NNHC.

- Thực hiện liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp lớn hiện đang sản xuất kinh doanh hoặc có nhu cầu sử dụng sản phẩm nông nghiệp hữu cơ (tập đoàn Vingroup, tập đoàn Quế Lâm, Cty TNHH thương mại trang trại Việt...) để một mặt có được nguồn tiêu thụ sản phẩm hữu cơ; mặt khác, tiếp thu được những quy trình

tiến bộ công nghệ mới; ngoài ra còn tạo khả năng ổn định các yếu tố đầu vào cho NNHC.

- Đối với các nhóm hàng xuất khẩu, các chủ thể cần tích cực liên kết với các doanh nghiệp nước ngoài; đăng ký và thực hiện để được công nhận là sản phẩm hữu cơ (như HTX Nông nghiệp Lâm Sơn đã thực hiện với tổ chức ở Đức). Đây là cơ hội không nhỏ để mở rộng thị trường tiêu thụ.

- Đối với cư dân trong vùng mở rộng quy mô thị trường tiêu thụ sản phẩm hữu cơ là tuyên truyền, vận động để người dân hiểu rõ ý nghĩa, vai trò của sản phẩm NNHC đối với sức khỏe con người, cộng đồng và môi trường sống.

- Để xây dựng thương hiệu đối với sản phẩm NNHC tỉnh Đồng Nai cần thực hiện các nội dung sau: Tuyên truyền quảng bá các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ ở Đồng Nai như bưởi, sầu riêng, hồ tiêu, rau... Thực hiện tốt các nội dung đã cam kết với doanh nghiệp trong các hợp đồng liên kết...

- Đẩy mạnh quảng bá, xúc tiến thương mại và giao lưu khách hàng bằng hình thức trực tiếp và trực tuyến, kết nối thị trường nông sản hữu cơ của tỉnh với chuỗi cung ứng nông sản hữu cơ trong và ngoài nước. Đẩy nhanh việc cấp mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc để đáp ứng yêu cầu của các thị trường xuất khẩu và xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý các sản phẩm hữu cơ chủ lực, quan trọng và đặc sản của tỉnh.

- Nâng cao năng lực hệ thống thông tin, dự báo thị trường, cung cấp kịp thời cho các địa phương, doanh nghiệp và người dân để điều chỉnh sản xuất phù hợp; tổ chức các hoạt động kết nối cung cầu, kết nối giữa vùng sản xuất với hệ thống phân phối, tiêu thụ; kết nối giữa thị trường trong nước với quốc tế. Thu hút, khuyến khích các tổ chức và cá nhân tham gia sản xuất, chế biến, tiêu thụ các sản phẩm hữu cơ theo chuỗi liên kết tại các vùng sản xuất tập trung; các sản phẩm đặc sản. Mời gọi các tổ chức, cá nhân đang kinh doanh sản phẩm nông nghiệp an toàn, sản phẩm có chứng nhận để hỗ trợ liên kết tiêu thụ đối với những sản phẩm từ các mô hình.

- Tăng cường chuyển đổi số và thương mại điện tử trong sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ. Tổ chức các hội nghị, diễn đàn kết nối thị trường, đa dạng hóa các kênh phân phối, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ; đưa vào các kênh phân phối tại hệ thống các siêu thị, sàn thương mại điện tử, cửa hàng tiện ích và chuỗi cung ứng sản phẩm an toàn.

- Hỗ trợ các cơ sở sản xuất nông nghiệp đạt chứng nhận hữu cơ tham gia hội chợ, triển lãm xúc tiến thương mại trong và ngoài tỉnh nhằm mục đích quảng bá, giới thiệu và tìm đầu ra cho sản phẩm.

- Song song với đó, đẩy mạnh phát triển thị trường nông sản hữu cơ tại chỗ, trọng tâm hướng tới đối tượng khách du lịch, học sinh,... thông qua việc hợp đồng cung cấp nông sản hữu cơ cho các khách sạn, nhà hàng, trường học,... trên địa bàn.

6. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư

a) Dự án đầu tư xuất lúa hữu cơ

- Tên dự án: Dự án đầu tư sản xuất lúa hữu cơ tỉnh Đồng Nai.
- Mục tiêu đầu tư: Đầu tư 3 vùng sản xuất lúa hữu cơ để rút kinh nghiệm và nhân ra diện rộng đối với các xã có định hướng sản xuất lúa hữu cơ trong vùng NNHC tập trung và các điểm sản xuất lúa hữu cơ không tập trung.
- Quy mô và địa điểm đầu tư: quy mô 75 ha; trong đó, xã Tà Lài huyện Tân Phú 40 ha; xã Đắc Lua huyện Tân Phú 20 ha và xã Thanh Sơn huyện Định Quán 15 ha.
- Kinh phí hỗ trợ thực hiện theo: Nghị định số 109/NĐ- CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ và Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 quy định về chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030.
- Đơn vị chủ trì thực hiện: UBND huyện Tân Phú và Định Quán.
- Giai đoạn thực hiện: Năm 2024 - 2025.

b) Dự án đầu tư sản xuất rau hữu cơ

- Tên dự án: Dự án đầu tư xây sản xuất rau hữu cơ tỉnh Đồng Nai.
- Mục tiêu đầu tư: Đầu tư 5 vùng sản xuất rau hữu cơ để rút kinh nghiệm và nhân ra diện rộng đối với các xã có định hướng sản xuất rau hữu cơ trong vùng NNHC tập trung và các điểm sản xuất rau hữu cơ không tập trung.
- Quy mô và địa điểm đầu tư: 14 ha; trong đó, xã Nam Cát Tiên huyện Tân Phú 5 ha; xã Hiếu Liêm huyện Vĩnh Cửu 4 ha; xã Suối Cao huyện Xuân Lộc 3 ha; xã Thanh Sơn huyện Định Quán 2 ha.
- Kinh phí hỗ trợ thực hiện theo: Nghị định số 109/NĐ- CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ và Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 quy định về chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030.
- Đơn vị chủ trì thực hiện: UBND các huyện Tân Phú, Vĩnh Cửu, Xuân Lộc và Định Quán.
- Thời gian thực hiện: năm 2024 - 2026.

c) Dự án đầu tư xuất hồ tiêu hữu cơ

- Tên dự án: Dự án đầu tư sản xuất hồ tiêu hữu cơ tỉnh Đồng Nai.
- Mục tiêu đầu tư: Đầu tư 1 vùng sản xuất hồ tiêu hữu cơ ở xã Lâm San huyện Cẩm Mỹ để rút kinh nghiệm và nhân ra diện rộng đối với các xã có định hướng sản xuất hồ tiêu hữu cơ trong vùng NNHC tập trung và các điểm sản xuất hồ tiêu hữu cơ không tập trung.

- Kinh phí hỗ trợ thực hiện theo: Nghị định số 109/NĐ- CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ và Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 quy định về chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030.

- Quy mô và địa điểm đầu tư: 10 ha thuộc xã Lâm San huyện Cẩm Mỹ.

- Đơn vị chủ trì thực hiện: UBND huyện Cẩm Mỹ.

- Thời gian thực hiện: Từ năm 2024 đến năm 2026; trong đó năm 2024 – 2025 là giai đoạn chuyển đổi; năm 2026 thực hiện sản xuất hồ tiêu hữu cơ.

d) Dự án đầu tư sản xuất điều hữu cơ

- Tên dự án: Dự án đầu tư sản xuất điều hữu cơ tỉnh Đồng Nai.

- Mục tiêu đầu tư: Đầu tư 3 vùng sản xuất điều hữu cơ ở 2 huyện Tân Phú và Định Quán để rút kinh nghiệm và nhân ra diện rộng đối với các xã có định hướng sản xuất điều hữu cơ trong vùng NNHC tập trung và các điểm sản xuất điều hữu cơ không tập trung.

- Quy mô và địa điểm đầu tư: 26 ha; trong đó, xã Thanh Sơn huyện Định Quán 20 ha; xã Nam Cát Tiên huyện Tân Phú 3 ha và xã Phú Lập huyện Tân Phú 3 ha.

- Kinh phí hỗ trợ thực hiện theo: Nghị định số 109/NĐ- CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ và Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 quy định về chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030.

- Đơn vị chủ trì thực hiện: UBND huyện Tân Phú và Định Quán.

- Thời gian thực hiện: Từ năm 2024 đến năm 2026; trong đó năm 2024 – 2025 là giai đoạn chuyển đổi; năm 2026 thực hiện mô hình sản xuất điều hữu cơ.

đ) Dự án đầu tư xuất bưởi hữu cơ

- Tên dự án: Dự án đầu tư sản xuất bưởi hữu cơ tỉnh Đồng Nai.

- Mục tiêu đầu tư: Đầu tư 3 vùng sản xuất bưởi hữu cơ ở 3 huyện Vĩnh Cửu, Định Quán và Tân Phú để rút kinh nghiệm và nhân ra diện rộng đối với các xã có định hướng sản xuất bưởi hữu cơ trong vùng NNHC tập trung và các điểm sản xuất bưởi hữu cơ không tập trung.

- Quy mô và địa điểm đầu tư: 40 ha; trong đó, xã Hiếu Liêm huyện Vĩnh Cửu 30 ha; xã Thanh Sơn huyện Định Quán 5 ha; xã tà Lài huyện Tân Phú 5 ha.

- Kinh phí hỗ trợ thực hiện theo: Nghị định số 109/NĐ- CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ và Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 về quy định về chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030.

- Đơn vị chủ trì thực hiện: UBND các huyện Vĩnh Cửu, Tân Phú và Định Quán.

- Thời gian thực hiện: Từ năm 2024 đến năm 2027; trong đó năm 2024 – 2025 là giai đoạn chuyển đổi; năm 2026 - 2027 thực hiện mô hình sản xuất bưởi hữu cơ.

e) Dự án đầu tư sản xuất sầu riêng hữu cơ

- Tên dự án: Dự án đầu tư sản xuất sầu riêng hữu cơ tỉnh Đồng Nai.

- Mục tiêu đầu tư: Đầu tư 3 vùng sản xuất sầu riêng hữu cơ ở 3 huyện Tân Phú, Định Quán và Xuân Lộc để rút kinh nghiệm và nhân ra diện rộng đối với các xã có định hướng sản xuất sầu riêng hữu cơ trong vùng NNHC tập trung và các điểm sản xuất sầu riêng hữu cơ không tập trung.

- Quy mô và địa điểm đầu tư: 12 ha; trong đó, xã Nam Cát Tiên huyện Tân Phú 3 ha; xã Thanh Sơn huyện Định Quán 5 ha; xã Suối Cao huyện Xuân Lộc 4 ha.

- Kinh phí hỗ trợ thực hiện theo: Nghị định số 109/NĐ- CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ và Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 về quy định về chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030.

- Đơn vị chủ trì thực hiện: UBND các huyện Tân Phú, Định Quán và Xuân Lộc.

- Thời gian thực hiện: Từ năm 2025 đến năm 2027; trong đó năm 2025 – 2026 là giai đoạn chuyển đổi; năm 2027 thực hiện mô hình sản xuất sầu riêng hữu cơ.

g) Dự án đầu tư sản xuất xoài hữu cơ

- Tên dự án: dự án đầu tư sản xuất xoài hữu cơ tỉnh Đồng Nai.

- Mục tiêu đầu tư: đầu tư 3 vùng sản xuất xoài hữu cơ ở 3 huyện Vĩnh Cửu, Định Quán và Xuân Lộc để rút kinh nghiệm và nhân ra diện rộng đối với các xã có định hướng sản xuất xoài hữu cơ trong vùng NNHC tập trung và các điểm sản xuất xoài hữu cơ không tập trung.

- Quy mô và địa điểm đầu tư: 40 ha; trong đó, xã Phú Lý huyện Vĩnh Cửu 10 ha; xã Thanh Sơn huyện Định Quán 20 ha; xã Suối Cao huyện Xuân Lộc 10 ha.

- Kinh phí hỗ trợ thực hiện theo: Nghị định số 109/NĐ- CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ và Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 quy định về chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030.

- Đơn vị chủ trì thực hiện: UBND các huyện Tân Phú, Định Quán và Xuân Lộc.

- Thời gian thực hiện: Từ năm 2025 đến năm 2027; trong đó năm 2025 – 2026 là giai đoạn chuyển đổi; năm 2027 thực hiện mô hình sản xuất xoài hữu cơ.

h) Dự án đầu tư chăn nuôi heo hữu cơ

- Tên dự án: Dự án đầu tư chăn nuôi heo hữu cơ tỉnh Đồng Nai.

- Mục tiêu đầu tư: Đầu tư 3 vùng chăn nuôi heo hữu cơ ở 3 huyện Định Quán, Vĩnh Cửu và Xuân Lộc để rút kinh nghiệm và nhân ra diện rộng đối với các xã có định hướng chăn nuôi heo hữu cơ trong vùng NNHC tập trung và các điểm chăn nuôi heo hữu cơ không tập trung.

- Quy mô và địa điểm đầu tư: 150 con heo thịt; trong đó, xã Thanh Sơn huyện Định Quán 50 con; xã Phú Lý huyện Vĩnh Cửu 50 con và xã Suối Cao huyện Xuân Lộc 50 con.

- Kinh phí hỗ trợ thực hiện theo: Nghị định số 109/NĐ- CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ và Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 quy định về chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030.

- Đơn vị chủ trì thực hiện: UBND các huyện Tân Phú, Định Quán và Xuân Lộc.

- Thời gian thực hiện: Trong năm 2025 - 2026.

i) Dự án đầu tư chăn nuôi gia cầm hữu cơ

- Tên dự án: Dự án đầu tư chăn nuôi gia cầm hữu cơ tỉnh Đồng Nai.

- Mục tiêu đầu tư: Đầu tư 3 vùng chăn nuôi gia cầm hữu cơ ở 3 huyện Định Quán, Vĩnh Cửu và Xuân Lộc để rút kinh nghiệm và nhân ra diện rộng đối với các xã có định hướng chăn nuôi gia cầm hữu cơ trong vùng NNHC tập trung và các điểm chăn nuôi gia cầm hữu cơ không tập trung.

- Quy mô và địa điểm đầu tư: 7.500 con gia cầm; trong đó, xã Thanh Sơn huyện Định Quán 2.500con; xã Phú Lý huyện Vĩnh Cửu 2.500 con và xã Suối Cao huyện Xuân Lộc 2.500 con.

- Kinh phí hỗ trợ thực hiện theo: Nghị định số 109/NĐ- CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ và Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 về quy định về chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030.

- Đơn vị chủ trì thực hiện: UBND các huyện Tân Phú, Định Quán và Xuân Lộc.

- Thời gian thực hiện: Trong năm 2025 - 2026.

k) Dự án đầu tư xây dựng chuỗi liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm NNHC

- Tên dự án: dự án đầu tư xây dựng các chuỗi liên kết sản xuất, sơ chế và tiêu thụ sản phẩm hữu cơ.

- Mục tiêu của dự án: Hình thành các chuỗi liên kết trong sản xuất, sơ chế, vận chuyển và tiêu thụ sản phẩm NNHC để rút kinh nghiệm và nhân ra diện rộng đối với các ngành hàng các vùng sản xuất hữu cơ tập trung và các điểm sản xuất NNHC không tập trung.

- Quy mô và địa điểm đầu tư: lựa chọn các địa phương và các ngành hàng để xây dựng chuỗi liên kết như sau:

+ Xã Đak Lua huyện Tân Phú xây dựng chuỗi liên kết sản xuất lúa hữu cơ với quy mô 220 ha.

+ Xã Nam Cát Tiên huyện Tân Phú xây dựng chuỗi liên kết sản xuất sầu riêng hữu cơ với quy mô 40 ha.

+ Xã Thanh Sơn huyện Định Quán xây dựng chuỗi liên kết sản xuất xoài hữu cơ với quy mô 170 ha.

+ Xã Hiếu Liêm huyện Vĩnh Cửu xây dựng chuỗi liên kết sản xuất bưởi hữu cơ với quy mô 190 ha.

+ Xã Lâm San huyện Cẩm Mỹ xây dựng chuỗi liên kết sản xuất hồ tiêu hữu cơ với quy mô 280 ha.

+ Xã Phú Lý huyện Vĩnh Cửu xây dựng chuỗi liên kết chăn nuôi gia cầm hữu cơ với quy mô 50.000 con.

+ Xã Suối Cao huyện Xuân Lộc xây dựng chuỗi liên kết chăn nuôi bò hữu cơ với quy mô 100 con.

- Thời gian thực hiện dự án từ năm 2024 - 2030.

- Kinh phí hỗ trợ thực hiện theo: Nghị định số 109/NĐ- CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ; Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 quy định về chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030; Nghị quyết số 143/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Đơn vị thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai.

7. Kinh phí thực hiện

Tổng kinh phí thực hiện từ nguồn vốn ngân sách đầu tư: 31,451 tỷ đồng; trong đó:

- Phân theo hạng mục: Tuyên truyền vận động 2,52 tỷ đồng; đào tạo, tập huấn 2,14 tỷ đồng; kinh phí xây dựng các dự án ưu tiên đầu tư 6,091 tỷ đồng; kinh phí xúc

tiền thương mại và mở rộng thị trường 0,6 tỷ đồng; hỗ trợ cấp giấy chứng nhận NNHC 20,1 tỷ.

- Phân theo tiến độ: Năm 2024: 1,816 tỷ đồng; năm 2025: 3,108 tỷ đồng; năm 2026: 3,42 tỷ đồng; năm 2027: 4,327 tỷ đồng; năm 2028: 5,01 tỷ đồng; năm 2029: 6,21 tỷ đồng và năm 2030: 7,56 tỷ đồng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Là cơ quan chủ trì triển khai thực hiện Đề án; hướng dẫn, điều phối các hoạt động của các đơn vị tham gia thực hiện Đề án thuộc thẩm quyền quản lý.

b) Nghiên cứu tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh công bố, ban hành vùng canh tác hữu cơ trên địa bàn tỉnh và quy định canh tác trên vùng canh tác hữu cơ.

c) Chủ trì xây dựng các mô hình thí điểm và các dự án phát triển nông nghiệp hữu cơ có quy mô liên kết sản xuất hữu cơ liên vùng, liên huyện; xây dựng kế hoạch triển khai và từng bước nhân rộng mô hình.

d) Nghiên cứu đề xuất xây dựng các cơ chế, chính sách cần thiết liên quan đến nông nghiệp hữu cơ thuộc thẩm quyền cấp tỉnh; chủ trì phối hợp các sở, ban, ngành, địa phương triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp hữu cơ.

đ) Tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn các địa phương và các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh áp dụng các quy trình kỹ thuật, các tiêu chuẩn, quy chuẩn nông nghiệp hữu cơ vào sản xuất nông nghiệp, đáp ứng nhu cầu thị trường.

e) Kiểm tra việc thực hiện đề án tại các huyện, thành phố; kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, thực hiện giám sát an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và xử lý sản phẩm hữu cơ không đảm bảo chất lượng.

g) Thực hiện chế độ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về kết quả thực hiện Đề án.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở, ban, ngành liên quan và địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất liên quan phục vụ phát triển nông nghiệp hữu cơ; tham mưu đề xuất các thủ tục liên quan về giao đất, thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, dồn điền đổi thửa nhằm tích tụ ruộng đất phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ quy mô lớn.

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở, ban, ngành liên quan và địa phương hướng dẫn quy định về thực hiện các yêu cầu sử dụng,

khai thác hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học với việc phát triển vùng nông nghiệp hữu cơ. Đề xuất các biện pháp thúc đẩy tái sử dụng, tái chế chất thải hữu cơ trong các lĩnh vực liên quan đến sản xuất nông nghiệp hữu cơ.

3. Sở Công Thương

a) Hướng dẫn và triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ các dự án khuyến công có liên quan đến nông nghiệp, nông dân và nông thôn.

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiên cứu các giải pháp phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ; tổ chức hội chợ, triển lãm sản phẩm nông nghiệp hữu cơ; xúc tiến thương mại tiêu thụ và quảng bá thương hiệu sản phẩm nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn.

c) Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh xây dựng các điểm bán hàng NNHC, tạo điều kiện cho người tiêu dùng tiếp cận sản phẩm NNHC.

d) Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan thực hiện quản lý Nhà nước đối với kinh doanh thực phẩm hữu cơ thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định.

4. Sở Y tế

a) Thực hiện quản lý Nhà nước đối với sản xuất, kinh doanh dược liệu hữu cơ, mỹ phẩm hữu cơ, thực phẩm hữu cơ thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định.

b) Kiểm tra, giám sát các sản phẩm dược liệu hữu cơ lưu thông trên thị trường theo định kỳ quy định.

c) Thực hiện các hướng dẫn của Bộ Y tế trong việc phát triển các sản phẩm y học cổ truyền, thực phẩm bảo vệ sức khỏe từ các nguyên liệu dược liệu hữu cơ phù hợp trên địa bàn tỉnh.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Theo thẩm quyền hoặc đề xuất cơ quan có thẩm quyền phê duyệt các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, mô hình điểm phục vụ phát triển nông nghiệp hữu cơ trong các Chương trình, dự án, đề tài khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh theo quy định.

b) Phối hợp, tham gia với các cơ quan có liên quan xây dựng quy trình sản xuất hữu cơ đối với từng loại cây trồng, vật nuôi và thủy sản trên địa bàn tỉnh.

6. Sở Tài chính

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị có liên quan hướng dẫn cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh.

b) Sở Tài chính phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thường xuyên thực hiện các nhiệm vụ của đề án theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định pháp luật có

liên quan.

7. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tổ chức thẩm định, trình duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư phát triển nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí nguồn vốn đầu tư công cho phát triển nông nghiệp của tỉnh; đẩy mạnh thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng các giải pháp huy động, bố trí lồng ghép các nguồn lực cho phát triển nông nghiệp hữu cơ; phối hợp các sở, ngành thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp hữu cơ, chính sách thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp hữu cơ, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản.

8. Sở Lao động và Thương binh - Xã hội

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện đào tạo nghề và phát triển nguồn nhân lực cho sản xuất nông nghiệp hữu cơ.

9. Sở Thông tin và Truyền thông

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở, ban, ngành liên quan và địa phương tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân, doanh nghiệp về phát triển nông nghiệp hữu cơ. Tăng cường công tác tuyên truyền, quảng bá, tiêu thụ sản phẩm an toàn, sản phẩm hữu cơ.

10. Sở Giáo dục và Đào tạo

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai đưa nội dung về NNHC vào chương trình học các cấp; hướng dẫn phòng Giáo dục và các trường học xây dựng chương trình hướng nghiệp đối với học sinh các cấp về NNHC; trong đó, cần làm cho học sinh các cấp hiểu rõ các khái niệm liên quan đến NNHC; 7 mục tiêu của phát triển NNHC; 4 nguyên tắc và 7 yêu cầu đối với NNHC.

11. Các trường đại học, cao đẳng, chuyên nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh

Đưa nội dung đào tạo về NNHC là một trong những nội dung chính đối với các trường có chuyên môn liên quan đến Nông, lâm nghiệp và thủy sản. Khuyến khích các đề tài nghiên cứu liên quan đến NNHC; tăng cường đưa sinh viên đến các cơ sở sản xuất NNHC để thực tập tốt nghiệp hoặc đề tài nghiên cứu khoa học.

12. Tổ chức tín dụng, ngân hàng

a) Ngân hàng Nhà nước phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát, xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ ngành nông nghiệp thực hiện Đề án này trên địa bàn tỉnh.

b) Các ngân hàng thương mại thực hiện tư vấn cho nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp, chủ trang trại xây dựng phương án sử dụng vốn phát triển sản xuất

kinh doanh, bảo đảm có hiệu quả, hạn chế rủi ro. Tạo điều kiện để các hợp tác xã, doanh nghiệp, chủ trang trại, hộ nông dân được vay vốn với lãi suất hợp lý, đầy đủ và kịp thời theo yêu cầu sản xuất kinh doanh.

13. UBND các huyện, thành phố

a) Trên cơ sở bản đồ định hướng các vùng canh tác nông nghiệp hữu cơ mà đề án đã xác định, tiến hành rà soát, xác định lựa chọn thứ tự ưu tiên thực hiện các vùng canh tác, đối tượng sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn thuộc thẩm quyền quản lý trong thời kỳ đề án.

b) Chủ trì xây dựng, thực hiện nhân rộng các mô hình hữu cơ và hướng dẫn chứng nhận sản phẩm hữu cơ trên địa bàn.

c) Tổ chức tập huấn, tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân và người dân trên địa bàn tham gia thực hiện sản xuất nông nghiệp hữu cơ.

d) Tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân đầu tư cơ sở sản xuất, tiêu thụ sản phẩm hữu cơ, tham gia các chương trình xúc tiến thương mại trong, ngoài nước.

đ) Bố trí nguồn ngân sách địa phương, lồng ghép các nguồn vốn hợp pháp khác trên địa bàn để đầu tư, hỗ trợ sản xuất, kinh doanh phát triển các sản phẩm hữu cơ.

e) Tổ chức kiểm tra việc thực hiện Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn; hàng năm tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện đề án, dự án của địa phương gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh.

14. Các Hội, tổ chức nghề nghiệp

a) Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức cộng đồng; tham gia đào tạo, tập huấn, giám sát các hội viên sản xuất, kinh doanh sản phẩm hữu cơ theo quy định của pháp luật.

b) Đề xuất các dự án đầu tư sản xuất phù hợp với nội dung, mục tiêu của Đề án, trình các cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện theo quy định hiện hành.

15. Các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp

a) Tham gia sản xuất, kinh doanh các sản phẩm NNHC trên địa bàn tỉnh.

b) Tham gia thực hiện các mô hình, dự án, hoạt động chuyển giao khoa học công nghệ trong sản xuất, chế biến theo chuỗi, bảo quản tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, xúc tiến thương mại điện tử.

16. Chế độ báo cáo thông tin

a) Các Sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan thực hiện chế độ báo cáo định kỳ trước ngày 15 tháng 11 hàng năm về kết quả thực hiện các nhiệm vụ

được phân công, những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo đề xuất UBND tỉnh kịp thời chỉ đạo, xử lý.

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan đầu mối, theo dõi, đôn đốc các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị liên quan trong quá trình thực hiện và tổng hợp báo cáo UBND tỉnh về kết quả thực hiện đề án theo định hàng năm.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Lao động - Thương binh và Xã hội; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh; Chủ tịch Hội nông dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các sở, ngành, cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Q. Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN. *W*

(Khoa/721.Qddeannongnghiephc)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Văn Phi